

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2171/2022/QĐ-PQTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Thẩm phán: 1. Ông Đỗ Quốc Đạt
2. Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Ông Phạm Ngọc Tâm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên

Vào các ngày 06/12/2022 và 20/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 134/2022/KDTM-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc: “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết định mở phiên họp số 12929/2022/QĐ-MPH ngày 31 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên họp số 12935/2022/QĐHPH-ST ngày 23/11/2022.

Người yêu cầu: Công ty IL

Địa chỉ: Tầng 11 Toà nhà M, Số 68 T, KĐT MĐ 1, phường D, quận L, Thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chung Mun S - Chức danh Tổng giám đốc - Đại diện theo ủy quyền: Văn Phòng Luật sư Nguyễn Ngọc Đ có ông Nguyễn Ngọc Đ tham gia - Theo Giấy ủy quyền được lập ngày 28/6/2022 – Địa chỉ Tầng 4 Toà nhà V Số 1, phố T, phường L, quận Đ, Thành phố N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty G

Địa chỉ: Số 10 Đ, KCN V-S, xã P, huyện S, QN - Người đại diện theo pháp luật: Ông Jing J Y - Chức danh Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bùi B H - theo Giấy ủy quyền số 01/2021/GS-TM ngày 19/10/2022 - Địa chỉ liên lạc:

Tầng 11, Số ABC đường Q, phường P, quận I, Thành phố H.

Các đương sự có mặt tại phiên họp.

NHẬN THẤY:

Theo đơn yêu cầu ngày 28 tháng 06 năm 2022 và các bản tư khai của Công ty IL trình bày như sau:

Để thực hiện dự án "Công trình xây dựng của Nhà máy Tập đoàn Công ty G" do Công ty G là chủ đầu tư tại địa điểm số 10, đại lộ Hữu nghị, KCN Việt Nam - Singapore, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam, Công ty G (Chủ đầu tư) và Công ty IL (Nhà thầu thi công) có ký kết các thỏa thuận hợp đồng như sau:

- Hợp đồng Xây dựng số 01/2019/HDXD/GS-SI ngày 09/5/2019. Tổng giá trị hợp đồng ký kết là 138.000.000.000 VNĐ (*Một trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

- Phụ lục 01 ngày 02/8/2019 kèm theo Hợp đồng Xây dựng số 01/2019/HDXD/GS-SI ngày 09/5/2019- Tổng giá trị phụ lục ký kết là: 2.581.000.000 VNĐ (*Hai tỷ năm trăm tám mươi một triệu đồng*).

- Hợp đồng Xây dựng số 02/2019/HDXD/GS-SI ngày 07/8/2019 – Tổng giá trị hợp đồng ký kết: 1.817.200.000 VNĐ (*Một tỷ tám trăm mười bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty IL đã tuân thủ đầy đủ các điều khoản của hợp đồng ký kết và đã hoàn thiện, bàn giao xong các hạng mục công việc theo thỏa thuận hợp đồng cho Công ty G.

Ngoài các hạng mục công việc theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký, Công ty IL cũng thi công và đã bàn giao nhiều hạng mục phát sinh, thêm do có các thay đổi trong quá trình xây dựng cho Công ty G.

Khối lượng thi công thực tế được bàn giao có tổng giá trị là 157.852.919.575 VNĐ (*Một trăm năm mươi bảy tỷ tám trăm năm mươi hai triệu chín trăm mười chín nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng*).

Tuy nhiên, Công ty G mới chỉ thanh toán được cho Công ty IL số tiền 130.493.800.000 VNĐ (*Một trăm ba mươi tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng*).

Mặc dù công trình đã được hoàn thành, đưa vào sử dụng nhưng Công ty G có tình trì hoãn, không thực hiện việc ký hồ sơ quyết toán hoàn thành công trình và thanh toán nốt số tiền còn lại của các hợp đồng, giá trị phát sinh cho Công ty IL.

Đến ngày 16/09/2020, mặc dù Nhà máy Công ty G đã được nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng nhưng Công ty G đã ra Thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng số 01/2019/HDXD/GS-SI, hợp đồng số 02/2019/HDXD/GS-SI và các phụ lục hợp đồng đã ký với Công ty IL.

Ngày 24/12/2020, Công ty G khởi kiện Công ty IL và yêu cầu buộc thanh toán sau khi bù trừ nghĩa vụ với số tiền 9.060.050.052 đồng và yêu cầu Công ty IL phải phát hành chứng thư bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang theo yêu cầu của Công ty G có giá trị bảo lãnh 05% giá trị hợp đồng: 7.119.910.000 đồng (*Bảy tỷ, một trăm mười chín triệu, chín trăm mười nghìn đồng*) trong thời hạn 01 (một) năm đối với toàn bộ công trình và 03 (ba) năm đối với hạng mục mái và hạng mục chống thấm ngay khi phán quyết của Hội đồng Trọng tài VIAC có hiệu lực. Trong trường

hợp Công ty IL không cung cấp được chứng thư bảo lãnh theo phán quyết của Hội đồng Trọng Tài VIAC có hiệu lực, Công ty G có quyền giữ lại số tiền tương ứng với giá trị bảo lãnh bảo hành 05% giá trị hợp đồng: 7.119.910.000 đồng (Bảy tỷ, một trăm mười chín triệu, chín trăm mười nghìn đồng).

Ngày 19/02/2021, để bảo vệ quyền lợi của mình, Công ty IL đã có đơn kiện lại gửi đến VIAC, theo đó đề nghị Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam chấp thuận các yêu cầu sau của Công ty IL:

- Buộc Công ty G thanh toán cho Công ty IL số tiền còn nợ là: 27.359.119.575 đồng (Hai mươi bảy tỷ ba trăm năm mươi chín triệu một trăm mười chín nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

- Buộc Công ty G thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi 10%/năm, tạm tính đến ngày 17/2/2021 là: 3.178.706.789 đồng (Ba tỷ một trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm linh sáu nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng).

Ngoài ra, buộc Công ty G chịu lãi chậm thanh toán với mức lãi 10%/năm đối với toàn bộ số tiền còn thiếu cho chúng tôi cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 144/20 HCM ngày 21 tháng 05 năm 2022 đã tuyên:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty G và buộc bị đơn Công ty Công ty IL thanh toán số tiền 10.202.022.987 đồng, cụ thể là:

1.1 Phạt chậm tiến độ từ ngày 16/11/2019 đến ngày 17/12/2019 là 32 ngày: 9.113.484.800 đồng;

1.2 Tiền thuê bên thứ ba sửa chữa, khắc phục các sai sót: 954.681.112 đồng;

1.3 Chi phí Luật sư: 133.857.066 đồng.

2. Bác yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn cung cấp cho nguyên đơn chứng thư bảo lãnh bảo hành có giá trị 05% giá trị hợp đồng là 7.119.910.000 đồng trong thời hạn 01 năm đối với toàn bộ công trình và 03 năm đối với hạn mục mái và hạn mục chống thấm.

3. Bác yêu cầu đòi bồi thường tiền thuê kho trong thời gian chậm thanh toán, tiền chênh lệch vật liệu, tiền điện nước và tiền bảo trì về phòng cháy chữa cháy.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu kiện lại của Bị đơn Công ty IL, buộc Nguyên đơn Công ty G phải thanh toán 2.806.571.861 đồng, cụ thể là:

4.1 Thanh toán công việc phát sinh: 631.483.499 đồng;

4.2 Khối lượng công việc còn thiếu khi dự toán: 1.610.974.727 đồng;

4.3 Lãi chậm trả: 564.113.635 đồng.

5. Buộc bị đơn Công ty IL phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền phí trọng tài là 158.704.674 đồng.

Không đồng ý với phán quyết trên, ngày 25 tháng 07 năm 2022 Công ty IL đã có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy phán quyết

vụ tranh chấp số 144/20 HCM ngày 21 tháng 05 năm 2022 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam - VIAC vì:

Thứ nhất: Hội đồng Trọng tài khi giải quyết vụ việc chưa đảm bảo sự vô tư, khách quan (vi phạm khoản 2 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại về Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài).

1. Hội đồng trọng tài không thực hiện việc thu thập chứng cứ quan trọng của vụ kiện:

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, ngày 06/5/2021, Công ty IL đã có yêu cầu bằng văn bản gửi đến Hội đồng Trọng tài đề nghị: Xem xét thẩm định tại chỗ đối với các hạng mục phát sinh, hạng mục còn thiếu; Yêu cầu Công ty G hoặc Sở Xây dựng cung cấp các hồ sơ, tài liệu để làm căn cứ đánh giá về việc Công ty IL đã hoàn thành khối lượng công việc của Hợp đồng đã ký cũng như xác định thời điểm bàn giao; Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng số 42-CV/GE-2019 ngày 20/11/2019 của Công ty G và Báo cáo khắc phục tồn tại của Chủ đầu tư số 47/CV/GE-2019 ngày 09/12/2019 của Công ty G vì Nguyên đơn - Công ty G luôn cho rằng: Công ty IL chưa hoàn thành việc xây dựng, không thừa nhận đối với toàn bộ khối lượng công việc đã thi công và bàn giao. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp, mặc dù Công ty IL đã có yêu cầu bằng văn bản nhưng Hội đồng Trọng tài đã không xem xét và không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào đối với các yêu cầu của Công ty IL.

Công ty IL nhận thấy: Việc Hội đồng Trọng tài không xem xét yêu cầu này của Công ty IL là thiếu sót rất nghiêm trọng, có thể làm thay đổi bản chất của sự việc. Bởi lẽ:

- Việc xem xét thẩm định tại chỗ là cần thiết và cơ sở để xác định được mức độ hoàn thành của dự án, cũng như thực tế của phần việc phát sinh và các hạng mục hư hỏng, sửa chữa;

- Đối với việc thu thập tài liệu: Hai tài liệu Công ty IL đề nghị thu thập đã được nhắc đến và là căn cứ để Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi ra Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số 3849/TB-SXD ngày 17/12/2019 và Thông báo số 282/TB-SXD ngày 03/8/2020. Và đây cũng là căn cứ quan trọng để xác định ngày hoàn thành công trình trên thực tế, từ đó có thể xác định chính xác trách nhiệm của các bên theo các nghĩa vụ được thỏa thuận trong hợp đồng.

Chính việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ đã dẫn tới Phán Quyết của Hội đồng Trọng tài chưa đảm bảo sự vô tư, khách quan, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty IL.

2. Hội đồng trọng tài đã cố ý viện dẫn không chính xác chứng cứ, cố ý bỏ qua chứng cứ quan trọng của vụ án, từ đó ra phán quyết mang tính áp đặt và không công bằng:

Tại đoạn 83 của Phán quyết Trọng tài về phần nhận định đối với việc phạt chậm tiến độ, Hội đồng Trọng tài cho rằng, Bị đơn không đưa ra được bất kỳ tài

liệu gì đề ngày 20/11/2019 để xác nhận là công trình đã hoàn thành vào ngày 20/11/2019, từ đó, Hội đồng Trọng tài đã xác định thời gian chậm tiến độ tính từ ngày 16/11/2019 đến ngày 17/12/2019 là 32 ngày và Công ty IL phải chịu số tiền phạt là 9.113.484.800 đồng. Trong khi đó, căn cứ theo các tài liệu Công ty IL đã cung cấp cho Hội đồng Trọng tài, đã có đủ cơ sở để chứng minh công trình đã được hoàn thành vào ngày 20/11/2019. Công ty IL đã chỉ đích danh tên văn bản: "*Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng số 42-CV/GE-2019*" ngày 20/11/2019 và *Báo cáo khắc phục tồn tại của Chủ đầu tư số 47/CV/GE-2019* ngày 09/12/2019 của Công ty G gửi đến Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi để làm căn cứ. Theo văn bản thông báo số 3849/TB-SXD ngày 17/12/2019 và Thông báo số 282/TB-SXD ngày 03/8/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi thì rõ ràng văn bản do Công ty G nộp là có thật. Thêm vào đó, xác định ngày hoàn thành là 20/11/2019 hoàn toàn phù hợp với tài liệu Công ty G gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, gồm:

- + Công văn số 44-CV/GE-2019 ngày 19/11/2019 của Công ty G, gửi kèm kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

- + Công văn số 48-CV/GE-2019 ngày 10/12/2019 của Công ty G, gửi kèm kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải (bổ sung).

Trên cả hai công văn, Công ty G cũng đã thừa nhận tình hình triển khai xây dựng các hạng mục công trình của Nhà máy: Toàn bộ dự án "Nhà máy gia công và sản xuất nệm Công ty G Việt Nam - Dung Quất" được thực hiện trên khu đất có tổng diện tích 60.000 m². Trong đó, các hạng mục công trình xây dựng của Dự án (gồm các hạng mục công trình chính và các hạng mục phụ trợ) đã hoàn thành. Ngày hoàn thành: tháng 11/2019. Trong các văn bản trình bày ý kiến gửi đến Hội đồng Trọng tài và tại phiên họp, Công ty IL đã nhiều lần nhắc đến Công văn số 44-CV/GE-2019 và Công văn số 48-CV/GE-2019 để chứng minh trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc hoàn thành các thủ tục hoàn công công trình theo quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, Hội đồng Trọng tài đã cố ý bỏ qua không xem xét chứng cứ và yêu cầu của Công ty IL.

Nguyên đơn đã có hành vi cố ý che giấu chứng cứ, không trung thực trong việc cung cấp tài liệu chứng cứ, trốn tránh, cố tình không cung cấp tài liệu cho Hội đồng Trọng tài. Hội đồng Trọng tài không xác minh, thu thập, không xem xét đánh giá chứng cứ để làm rõ sự việc nhưng chúng tôi lại là bên phải gánh chịu các rủi ro. Rõ ràng, Hội đồng Trọng tài đã thể hiện sự thiếu vô tư, khách quan trong quá trình giải quyết. Căn cứ theo khoản 2 Điều 46 Luật Trọng tài Thương mại năm 2010 thì: "*Theo yêu cầu của một hoặc các bên, Hội đồng trọng tài có quyền yêu cầu người làm chứng cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến việc giải quyết tranh chấp*". Chúng tôi nhận thấy, Hội đồng Trọng tài không thu thập những tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của chúng tôi. Trong khi đó, những chứng cứ này có thể làm thay đổi bản chất sự việc, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty IL. Hội đồng Trọng tài đã vi phạm khoản 2 Điều 46 Luật Trọng tài thương mại và khoản 2 Điều 19 Quy tắc tố tụng Trọng tài VIAC.

Từ việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ đã dẫn đến Phán quyết của Hội đồng Trọng tài chưa đảm bảo sự vô tư khách quan nên đã vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều

4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010: "*Trọng tài phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo các quy định của pháp luật*"; "*Các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Hội đồng Trọng tài có trách nhiệm tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình*".

Thứ hai: Hội đồng Trọng tài đã không tôn trọng thoả thuận của các bên trong Hợp đồng. Vi phạm khoản 1 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

1. Hội đồng Trọng tài tự ý chấm dứt quyền, nghĩa vụ cả các bên liên quan đến thời hạn bảo hành, trái thoả thuận hợp đồng:

Theo thoả thuận của hợp đồng tại Điều 13 về trách nhiệm bảo hành công trình. Thời gian bảo hành công trình là 01 năm. Riêng đối với hạng mục mái và hạng mục chống thấm, thời gian bảo hành là ba (03) năm kể từ ngày bàn giao. Công ty IL xác định thời điểm bàn giao là ngày 20/11/2019 như chứng minh tại phần căn cứ thứ nhất bên trên. Hội đồng Trọng tài xác định ngày hoàn thành là ngày 17/12/2019. Như vậy, nếu theo quy định của hợp đồng, thời hạn bảo hành phải được xác định gồm hai phần:

- Phần bảo hành 01 năm: Tính từ ngày 17/12/2019 đến ngày 17/12/2020.
- Phần bảo hành 03 năm: Tính từ ngày 17/12/2019 đến ngày 17/12/2022.

Tuy nhiên, theo Phán quyết được ban hành, Hội đồng Trọng tài xác định thời hạn bảo hành đã kết thúc vào ngày 17/12/2021 (đoạn 118 phán quyết). Như vậy, rõ ràng Hội đồng Trọng tài đã tự ý thay đổi và chấm dứt thời hạn bảo hành, không tôn trọng thoả thuận của các bên.

2. Hội đồng Trọng tài cho rằng các bên chưa thực hiện việc bảo hành là không đúng với thoả thuận hợp đồng và thực tế của sự việc:

Hội đồng Trọng tài tại đoạn 118 phán quyết đã nhận định: "*nguyên đơn đưa công trình vào sản xuất từ ngày 17/12/2019, dù công trình đã hoàn thành nhưng các bên vẫn chưa thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến việc bảo hành công trình*". Thực tế, sau khi công trình được bàn giao, giữa hai bên đã có rất nhiều công văn trao đổi qua lại phản ánh các công việc bảo hành. Nguyên đơn cũng đã có nhiều văn bản yêu cầu Công ty IL thực hiện việc sửa chữa, khắc phục các hư hỏng. Theo thoả thuận hợp đồng, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nếu nhà thầu không thực hiện, chủ đầu tư có quyền thuê một bên khác thực hiện các công việc này và nhà thầu phải chịu các chi phí sửa chữa phát sinh. Trong Phán quyết của Hội đồng Trọng tài cũng đã chấp nhận phần chi phí sửa chữa theo đề nghị của Nguyên đơn. Như vậy, rõ ràng, Hội đồng Trọng tài nhận định thiếu cơ sở và không phù hợp điều kiện và phương thức bảo hành được các bên thoả thuận trong hợp đồng.

3. Hội đồng Trọng tài tự ý thay đổi điều kiện thanh toán được các bên thoả thuận trong hợp đồng:

Theo thoả thuận tại khoản 6.4 Điều 6 Hợp đồng số 01 quy định việc trình hồ sơ thanh toán được ấn định vào ngày 30 hàng tháng và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào ngày 10 của tháng tiếp theo. Như vậy, Nguyên đơn chỉ có 10 ngày để thực hiện việc thanh toán đối với khối lượng được trình. Tuy nhiên, theo nhận định của

Hội đồng Trọng tài tại đoạn 121 Phán quyết, thì Hội đồng Trọng tài đã lấy Điều kiện thanh toán của Hợp đồng số 02 để áp dụng vào việc thanh toán và tính lãi chậm trả cho các nghĩa vụ của Hợp đồng số 01. Trong khi đó, Hai hợp đồng hoàn toàn độc lập, tách biệt với nhau. Rõ ràng Hội đồng Trọng tài đã không tôn trọng thoả thuận giữa các bên và các điều khoản của hợp đồng được ký kết.

4. Hội đồng Trọng tài không xem xét đến việc đơn phương chấm dứt hợp đồng 16/09/2020 có làm thay đổi quyền, nghĩa vụ của các bên hay không? Như vậy là thiếu sót.

Thứ ba: Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ việc đã có sự phân biệt đối xử không công bằng giữa các bên trong việc giải quyết vụ án. Vi phạm nguyên tắc bình đẳng quy định tại khoản 1 Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010.

1. Sự phân biệt, đối xử không công bằng giữa những Người đại diện theo uỷ quyền của các bên:

Ngày 22/12/2021, 06 ngày trước thời điểm ấn định phiên họp, Công ty IL có nhận được Email thông báo lịch triệu tập phiên họp giải quyết vụ tranh chấp số 144/20 HCM sẽ diễn ra vào lúc 09 giờ 00 phút (sáng) ngày 28/12/2021 tại Trụ sở Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, Phòng 505, 171 Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tuy nhiên, ngay khi vừa đến Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 27/12/2021, Công ty IL nhận được email thông báo của Trung tâm Trọng tài về việc hoãn phiên họp với lý do ông Nguyễn Vũ P (đại diện theo uỷ quyền của Công ty G) mắc Covid-19. Gửi kèm theo thông báo là đơn xin hoãn và phiếu kết quả xét nghiệm của ông P. Email được gửi vào lúc 10 giờ 23 phút ngày 27/12/2021. Việc ông P bị Covid, có đơn xin hoãn và được Hội đồng Trọng tài chấp nhận. Trong khi đó, ngày 18/02/2022, Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty IL là ông Nguyễn Ngọc Đ được xác định dương tính với Covid - 19. Ông Đ đã gửi thư điện tử đến Hội đồng Trọng tài để đề nghị không xếp lịch phiên họp giải quyết vụ án trong thời gian này. Tuy nhiên, ngày 21/2/2021, Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp không chấp nhận đề nghị của ông Đ và cho rằng lý do không chính đáng. Tiếp đó, ngày 22/2/2022, ông Đ tiếp tục có đơn xin hoãn phiên họp mở ngày 01/3/2022, do bị áp dụng biện pháp cách ly, điều trị tại nhà tại tỉnh Bắc Giang từ ngày 18/2/2022 (có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) và không đủ điều kiện để tham dự phiên họp ngày 01/3/2022 theo triệu tập của Hội đồng Trọng tài. Ngày 23/2/2022, Hội đồng Trọng tài có Quyết định không chấp nhận yêu cầu hoãn phiên họp của ông Đ. Từ sự việc trên, Công ty IL nhận thấy rõ ràng, đã bị phân biệt đối xử không công bằng từ phía Hội đồng Trọng tài.

2. Một số vấn đề về nội dung vụ tranh chấp nhưng đã chứng minh cho việc Hội đồng Trọng tài thiếu khách quan trong giải quyết:

- Hội đồng trọng tài căn cứ vào Điều 6.1 (b) của Hợp đồng quy định: "Giá trị hợp đồng trên là giá trị hợp đồng trọn gói và đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện khối lượng công việc theo Bản vẽ và Tài liệu hợp đồng" để từ đó bác bỏ yêu cầu đối với khối lượng công việc phát sinh khi thi công. Trong khi đó, rõ ràng đã có sự sai sót giữa Khối lượng theo bản vẽ và khối lượng dự toán được chủ đầu tư

cung cấp làm cơ sở ký kết hợp đồng. Những thay đổi đã được phản ánh qua Bản vẽ hoàn công có xác nhận của các bên. Các thay đổi này đã phản ánh khối lượng thi công có sự thay đổi. Tuy nhiên, vấn đề này đã không được Hội đồng Trọng tài xem xét đến. Hội đồng Trọng tài đã bỏ qua trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc cung cấp số liệu theo hồ sơ mời thầu. Việc tính thiếu khối lượng theo dự toán hợp đồng nếu chỉ quy trách nhiệm cho nhà thầu thi công, mà chủ đầu tư không có trách nhiệm là thiếu công bằng. Việc Hội đồng Trọng tài không áp dụng Luật đấu thầu năm 2013 để xác định trách nhiệm cho Nguyên đơn là có lợi cho Nguyên đơn Công ty G và chưa phù hợp với quy định pháp luật, bởi lẽ:

- Các văn bản được viện dẫn làm căn cứ ký kết hợp đồng không có quy định về trách nhiệm của các bên trong việc cung cấp thông tin trong hồ sơ đấu thầu;

- Hợp đồng xây dựng là Hợp đồng dân sự và sẽ được áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự để điều chỉnh;

- Điều 6 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc áp dụng tương tự pháp luật thì việc áp dụng các quy định của Luật đấu thầu là phù hợp và cần thiết;

- Quy định của Điều 62 Luật đấu thầu năm 2013 đã chỉ về trách nhiệm của chủ đầu tư đối với việc cung cấp số liệu, khối lượng công việc theo hồ sơ mời thầu được ký kết;

- Hội đồng Trọng tài không đồng ý áp dụng Luật đấu thầu năm 2013 để xác định trách nhiệm của Nguyên đơn, nhưng lại áp dụng Điều 62 Luật đấu thầu năm 2013 để lập luận và làm căn cứ bác bỏ yêu cầu của Bị đơn, quy toàn bộ trách nhiệm cho các sai sót là của Bị đơn. Như vậy rõ ràng là phân biệt đối xử không công bằng đối với Bị đơn (đoạn 107, 108, 109 Phán quyết trọng tài);

- Hội đồng Trọng tài đã thiên vị khi loại bỏ hoàn toàn trách nhiệm trong việc giám sát thi công của Nguyên đơn. Đặc biệt là đối với phần việc phát sinh mới: Điều này được ghi nhận trong toàn bộ nội dung phán quyết và thể hiện rõ nhất tại mục 112 Phán quyết;

- Hội đồng Trọng tài xác định có phần việc phát sinh nằm ngoài phạm vi hợp đồng nhưng lại ra phán quyết mỗi bên chịu 50%. Trong khi đó, phát sinh là thực tế và được các bên xác nhận. Tuy không có giao kết bằng văn bản nhưng có đủ cơ sở để xác định nguyên đơn biết, đã tiếp nhận và đưa vào sử dụng. Bản thân Bị đơn cũng không thể tự ý thi công các hạng mục này nếu như không được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Bởi: Việc thi công diễn ra tại nhà máy của Nguyên đơn, quá trình thi công có sự giám sát của Nguyên đơn (Chủ đầu tư) và đơn vị tư vấn giám sát do nguyên đơn thuê;

- Hội đồng trọng tài buộc mỗi bên phải chịu 50% chi phí đối với công việc phát sinh mới nhưng lại không chấp nhận phần yêu cầu của Bị đơn đối với phần việc phát sinh do tính thiếu. Đa số chi phí phát sinh thiếu là chi phí thuộc hạng mục cốt lõi của dự án như thép, bê tông,..... và nếu không thực hiện sẽ không thể hoàn thành công trình. Vấn đề này, tại Phiên họp giải quyết ngày 01/3/2022, Hội đồng Trọng tài và các bên cũng đã có sự trao đổi và làm rõ. Như vậy là không phù hợp.

- Đối với yêu cầu về tiền lãi do chậm trả: Tại mục 119 Phán quyết, mặc dù Hội đồng Trọng tài đã nhận định định Nguyên đơn có hành vi cố ý không ký phê duyệt khối lượng thi công để hoàn thiện hồ sơ quyết toán, cố tình kéo dài thời hạn thanh toán cho Bị đơn, đồng thời vi phạm điều 120 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Hội đồng Trọng tài lại không tính số tiền lãi do chậm thanh toán đối với toàn bộ số tiền còn lại của hợp đồng mà Công ty G phải chịu là không công bằng đối với Bị đơn. Bởi lẽ, điều kiện đầu tiên để phát hành chứng thư bảo lãnh là phải có hồ sơ quyết toán được phê duyệt bởi các bên.

Rõ ràng, Công trình đã được nghiệm thu, được bàn giao cho chủ đầu tư và Chủ đầu tư đã phê duyệt vào Bản vẽ hoàn công thể hiện tất cả các thay đổi. Và chính chủ đầu tư có lỗi trong việc phê duyệt hồ sơ quyết toán. Nhưng Hội đồng trọng tài đã phân biệt đối xử và bỏ qua tất cả các vấn đề đó, quy toàn bộ trách nhiệm cho Bị đơn với tư cách là bên thi công.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty G:

Thứ nhất, Căn cứ theo Điều 71 Luật Trọng tài thương mại (TTTM) và Điều 15 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP về hướng dẫn luật trọng tài thương mại quy định về việc xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài như sau:

Điều 15. Tòa án xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài quy định tại Điều 71 Luật TTTM:... 2. Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn không xét lại nội dung vụ tranh chấp mà cần kiểm tra phán quyết trọng tài có thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật TTTM hay không. Nếu xét thấy phán quyết trọng tài thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật TTTM và Hội đồng trọng tài không khắc phục hoặc không thể khắc phục được theo yêu cầu của Tòa án quy định tại khoản 7 Điều 71 Luật TTTM, thì Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào điểm tương ứng tại khoản 2 Điều 68 Luật TTTM để ra quyết định hủy phán quyết trọng tài. Nếu xét thấy phán quyết trọng tài không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật TTTM, thì Hội đồng xét đơn yêu cầu ra quyết định không hủy phán quyết trọng tài. Quyết định về việc hủy phán quyết trọng tài được thực hiện theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Theo đó, Tòa án không xem xét lại nội dung vụ tranh chấp mà kiểm tra phán quyết trọng tài có thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật TTTM hay không.

Thứ hai, căn cứ theo Khoản 3 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại về nghĩa vụ chứng minh của Người yêu cầu – Công ty IL đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài như sau:...3. Khi Tòa án xem xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, nghĩa vụ chứng minh được xác định như sau: a) Bên yêu cầu hủy phán quyết trọng tài quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này có nghĩa vụ chứng minh Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết thuộc một trong các trường hợp đó; b) Đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này, Tòa án có trách nhiệm chủ động xác minh thu thập chứng cứ để quyết định hủy hay không hủy phán quyết trọng tài. Tuy nhiên, Công ty IL không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu hủy phán quyết trọng tài thuộc trường hợp nào của Khoản 2 Điều 68 Luật TTTM. ...2. Phán quyết trọng tài bị hủy nếu thuộc một trong các trường hợp sau

đây: a) Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu; b) Thành phần Hội đồng trọng tài, thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật này; c) Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài; trường hợp phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài thì nội dung đó bị hủy; d) Chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; Trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài; đ) Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Thứ ba, Công ty G nhận thấy không có căn cứ cho các yêu cầu hủy phán quyết trọng tài theo Khoản 2 Điều 68 Luật TTTM và Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP. Cụ thể: “Không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu”: Chúng tôi khẳng định Thỏa thuận trọng tài trong Hợp đồng là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết tại Hội đồng trọng tài, chính Công ty IL cũng đã thừa nhận và không phản đối đối với thỏa thuận trọng tài bằng Đơn kiện lại và công nhận thẩm quyền của Hội đồng trọng tài tại các cuộc họp giải quyết tranh chấp. “Thành phần Hội đồng trọng tài, thủ tục tổ tụng trọng tài không phù hợp với thỏa thuận của các bên hoặc trái với các quy định Luật TTTM”: Trước phiên họp giải quyết tranh chấp, thủ tục tiến hành lập Hội đồng trọng tài và thủ tục giải quyết tranh chấp là phù hợp với Quy tắc tổ tụng trọng tài và đã được gửi thông báo bằng văn bản đến Công ty IL. Tại Phiên họp, các đại diện tham gia của Công ty IL cũng đã ký xác nhận đồng ý và không phản đối đối với thủ tục từ khi bắt đầu giải quyết tranh chấp đến khi tổ chức phiên họp. Cuối phiên họp giải quyết tranh chấp cuối cùng, đại diện Công ty IL một lần nữa khẳng định không có ý kiến và đồng ý với thủ tục tổ tụng trọng tài. “*Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài*”. Chúng tôi khẳng định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng trọng tài là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết tại Hội đồng trọng tài, chính Công ty IL cũng đã thừa nhận và không phản đối đối với thẩm quyền của Hội đồng trọng tài bằng Đơn kiện lại và công nhận thẩm quyền của Hội đồng trọng tài tại văn bản và các cuộc họp giải quyết tranh chấp.

(1) “*Chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo*”; “*Trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài*”. Chứng cứ các bên cung cấp và nộp cho Hội đồng trọng tài do mỗi bên thu thập. Trong đó, mỗi bên nguyên đơn và bị đơn chịu trách nhiệm về pháp lý đối với chứng cứ cung cấp cho Hội đồng trọng tài xem xét và đưa ra phán quyết khách quan, công bằng. Công ty IL không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh phán quyết do Hội đồng trọng tài đã vi phạm điều khoản này. Ngoài ra, tại phiên họp giải quyết tranh chấp cuối cùng, Công ty IL và Công ty G đều khẳng định Hội đồng trọng tài làm việc khách quan, công bằng và không có bằng chứng, nghi ngờ về sự vô tư, khách quan của từng thành viên Hội đồng trọng tài.

(2) “*Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam*”. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất áp dụng pháp luật Việt Nam là cơ sở để giải quyết tranh chấp. Công ty IL nộp đơn yêu

cầu hủy phán quyết trọng tài nhưng không chứng minh phán quyết trọng tài vi phạm nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật Việt Nam và nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài tại Điều 4 Luật TTTM. **Điều 4. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài:** 1. Trọng tài viên phải tôn trọng thoả thuận của các bên nếu thoả thuận đó không vi phạm điều cấm và trái đạo đức xã hội. 2. Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật. 3. Các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Hội đồng trọng tài có trách nhiệm tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. 4. Giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài được tiến hành không công khai, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác. 5. Phán quyết trọng tài là chung thẩm. Ngoài ra, sau khi Phán quyết trọng tài được ban hành, Bị đơn – Công ty IL đã đề nghị Hội đồng trọng tài giải thích và điều chỉnh phán quyết vào tháng 5/2022. Tại văn bản yêu cầu đó, Công ty IL không phản đối đối với các căn cứ hủy phán quyết trọng tài nêu trên. Sau khi Hội đồng trọng tài ban hành văn bản giải thích và sửa đổi Phán quyết – Phán quyết cuối cùng. Công ty G đã chấp nhận và thiện chí, tôn trọng Hội đồng trọng tài để thi hành phán quyết và bằng chứng là Công ty G đã gửi văn bản đề nghị Công ty IL thi hành phán quyết này (đính kèm). Tuy nhiên, một lần nữa, Công ty Sami IL đã thiếu tôn trọng và không chấp nhận nội dung phán quyết dù không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào mới để chứng minh cho việc hủy yêu cầu này (Đính kèm). Công ty G cho rằng một trong những lý do nghi ngờ Công ty IL muốn tiến hành tố tụng lần này nhằm kéo dài, trì hoãn nghĩa vụ thanh toán của Công ty IL với các nhà thầu khác. Công ty IL đã và đang làm nghiêm trọng và kéo dài quá trình tranh chấp, không thiện chí và gây phiền hà cho tất cả các bên liên quan. Thủ tục yêu cầu hủy phán quyết trọng tài này hoàn toàn là không có căn cứ và không cần thiết. Việc xem xét hủy phán quyết sẽ đưa vụ việc “trở về vạch xuất phát” và không có lợi cho bất kỳ bên nào. Hơn nữa, bị đơn sẽ không nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ nguyên đơn như đã nêu trong phán quyết.

Chính vì những lý do trên, Công ty G đề nghị Tòa án Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh không chấp nhận yêu cầu của Công ty IL và giữ nguyên nội dung phán quyết Hội đồng trọng tài đã phát hành để chúng tôi nhanh chóng thi hành phán quyết và kết thúc vụ việc tranh chấp.

Tại phiên họp hôm nay, người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Tại phiên họp hôm nay, phiên họp tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét phiên họp không chấp nhận yêu cầu của Công ty IL về việc hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 144/20 HCM, ngày 25 tháng 07 năm 2022 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam – VIAC.

XÉT THẤY:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 31, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm o Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thời hiệu*: Ngày 21 tháng 05 năm 2022 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 144/20 HCM, ngày 25 tháng 07 năm 2022 Công ty IL nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

[3] *Về việc ủy quyền*: Công ty IL là người yêu cầu đã ủy quyền hợp lệ cho Văn Phòng Luật sư Nguyễn Ngọc Đ có ông Nguyễn Ngọc Đ đại diện theo giấy ủy quyền được lập ngày 28/6/2022; Công ty G ủy quyền cho ông Nguyễn Bùi B H - theo Giấy ủy quyền số 01/2021/GS-TM ngày 19/10/2022. Xét thấy, các bên đã có văn bản ủy quyền hợp lệ, phù hợp theo quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

[4] *Về nội dung*: Xét người yêu cầu Công ty IL đề nghị hủy phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 144/20 HCM ngày 21 tháng 05 năm 2022 vì cho rằng: Hội đồng Trọng tài khi giải quyết vụ việc chưa đảm bảo sự vô tư, khách quan (vi phạm khoản 2 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại về Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài); Hội đồng trọng tài đã có ý viện dẫn không chính xác chứng cứ, có ý bỏ qua chứng cứ quan trọng của vụ án, từ đó ra phán quyết mang tính áp đặt và không công bằng; Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ việc đã có sự phân biệt đối xử không công bằng giữa các bên trong việc giải quyết vụ án. Vi phạm nguyên tắc bình đẳng quy định tại khoản 1 Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu hủy của phán quyết Công ty IL, đề nghị giữ nguyên phán quyết của Hội đồng trọng tài. Đây là vấn đề cần xem xét.

[4.1] Về lý do Hội đồng trọng tài khi giải quyết vụ việc chưa đảm bảo sự vô tư, khách quan (vi phạm Khoản 2 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại về nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài); Hội đồng trọng tài đã có ý viện dẫn không chính xác chứng cứ, có ý bỏ qua chứng cứ quan trọng của vụ án, từ đó ra phán quyết mang tính áp đặt và không công bằng và không chấp nhận yêu cầu thu thập tài liệu chứng cứ của bị đơn. Xét, Hội đồng trọng tài đã tiến hành thu thập và xem xét Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng số 42-CV/GE-2019 ngày 20/11/2019 và

Báo cáo khắc phục tồn tại của Chủ đầu tư số 47-CV/GE-2019 ngày 09/12/2019. Tuy nhiên, như đã trình bày tại Đoạn 4 Quyết định giải thích, bổ sung Phán quyết trọng tài, Hội đồng trọng tài xác định các tài liệu này không được coi là căn cứ chứng minh công trình đã được nghiệm thu và hoàn thành. Do đó, không có cơ sở xem xét ý kiến này của Công ty IL.

[4.2] Về lý do không chấp nhận hoãn phiên họp và Hội đồng trọng tài giải quyết vụ việc đã có sự phân biệt đối xử không công bằng giữa các bên trong việc giải quyết vụ án, vi phạm nguyên tắc bình đẳng theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Bộ luật dân sự 2015 và Khoản 3 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010: Theo Điều 26 Quy tắc tố tụng trọng tài VIAC 2017 quy định: “Yêu cầu hoãn phiên họp giải quyết vụ tranh chấp phải bằng văn bản, nêu rõ lý do, kèm theo chứng cứ và gửi tới Trung tâm”. Ngày 22/02/2022 ông Nguyễn Ngọc Đ - Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã gửi đến VIAC yêu cầu hoãn phiên họp ngày 01/3/2022. Tuy nhiên, xét thấy lý do yêu cầu hoãn phiên họp của bị đơn là không chính đáng, bởi bị ngoài ông Nguyễn Ngọc Đ, bị đơn còn ủy quyền cho người đại diện khác là ông Đoàn Trung Kiên với nội dung và phạm vi ủy quyền như nhau, ông Kiên không có yêu cầu hoãn phiên họp nên yêu cầu của ông Đ không được Hội đồng trọng tài chấp nhận là có cơ sở. Hơn nữa, tại phiên họp giải quyết tranh chấp đại diện bị đơn ông Đ cũng có mặt nên ý kiến này của Công ty IL là không có cơ sở.

[4.3] Các nội dung về chi phí phát sinh, lãi, phạt chậm thanh toán thuộc về nội dung của phán quyết. Theo Điều 71 Luật Trọng tài thương mại 2010, Hội đồng xét đơn không có thẩm quyền xét xử lại.

[4.4] Tại phiên họp hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu về việc hủy phán quyết trọng tài của Công ty IL, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét đơn nên chấp nhận.

[4.5] Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của Công ty IL.

[5] Về lệ phí: Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải chịu lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, Công ty IL không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31, điểm a Khoản 3 Điều 38, Khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 43, Điều 68, khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty IL về việc hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 144/20 HCM ngày 21 tháng 05 năm 2022 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty IL không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, tức ngày 20 tháng 12 năm 2022. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Hội đồng trọng tài;
- Các bên đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Thùy Dung